

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – AN GIANG
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – AN GIANG, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Nguyên và ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An Giang, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Kim T, sinh năm 1996, tại thành phố C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: khóm B, phường C, thành phố C (nay là phường C), tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Kim L; có chồng là Trần Văn T1 02 người con sinh năm 2022, 2024; tiền án: chưa; tiền sự: Ngày 02/12/2024, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thị xã T (nay là phường T), tỉnh An Giang xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/4/2025 cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Bà Trần Thùy T2, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp H, xã C, thị xã T (nay là xã C), tỉnh An Giang; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Mai Lâm Thanh T3, sinh năm 1984; nơi cư trú: khóm C, phường C, thành phố C (nay là phường C), tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1972; nơi cư trú: khóm C, phường C, thành phố C (nay là phường C), tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Kim N, sinh năm 1991; nơi cư trú: khóm B, phường C, thành phố C (nay là phường C), tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1994; nơi cư trú: khóm B, phường C, thành phố C (nay là phường C), tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Lê Thanh T4, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp); vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị V; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Kim T đi đến các tiệm bán thức ăn, ven đường để tìm lấy trộm tài sản. Khoảng 08 giờ ngày 12/4/2025, T điều khiển xe mô tô biển số 63AN-011.31 (do bà Nguyễn Kim L đang quản lý) đi đến khu vực ấp H, xã C, thị xã T (nay là xã C). Tiễn ghé vào tiệm cơm của bà Trần Thùy T2, thấy 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note màu đen, để trên tủ bán thức ăn. Tiễn giả vờ mua cơm để bà T2 đi vào bên trong chiên trứng. Khi này, T lén lút lấy trộm điện thoại di động, cất vào túi quần. Sau đó, T đem điện thoại đến bán cho Mai Lâm Thanh T3 được 3.700.000 đồng. T3 không biết điện thoại do trộm cắp mà có. Phát hiện bị mất trộm, bị hại trình báo Công an. Qua kiểm tra Camera an ninh, lực lượng Công an mời T về làm việc và T thừa nhận hành vi phạm tội.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 14 Pro màu đen (đã trả cho bị hại). 01 áo sơ mi tay dài màu đỏ có viền cổ tay và cổ áo màu đen, trên áo có ghi chữ LV; 01 quần dài màu đỏ có viền cổ chân màu đen trên quần có ghi chữ LV; 01 áo khoác tay dài màu kem sau lưng có chữ BOYSTORY; 01 mũ bảo hiểm màu xám. 01 xe mô tô 63AN-011.31 màu đỏ đen.

- Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 982/KL-HĐĐG.TTHS ngày 17/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T: 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 14 Pro màu đen, trị giá 3.200.000 đồng.

- Kết luận giám định số 687/KL-KTHS ngày 23/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh A kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa trên tập tin Video lưu trữ trong USB gửi giám định; trích xuất 08 ảnh từ dữ liệu tập tin video lưu trữ trong USB (ký hiệu A) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục kèm theo. Kèm theo kết luận giám định: 01 Phụ lục gồm 04 trang A4. H lại đối tượng giám định: Còn nguyên vẹn và hoàn trả lại cho cơ quan gửi giám định.

Ngày 21/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A khởi tố Nguyễn Kim T để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKSTC ngày 18 tháng 6 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An

Giang) đã truy tố bị cáo Nguyễn Kim T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố; không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ, cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị hại bà Trần Thùy T2 cung cấp lời khai như đã khai trong giai đoạn điều tra.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng do bị cáo không có nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nghèo. Về trách nhiệm dân sự, do bị hại, ông Mai Lâm Thanh T3 không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị không đề cập giải quyết. Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy trang phục thu giữ của bị cáo (gồm: 01 áo sơ mi tay dài màu đỏ có viền cổ tay và cổ áo màu đen, trên áo có ghi chữ LV; 01 quần dài màu đỏ có viền cổ chân màu đen trên quần có ghi chữ LV; 01 áo khoác tay dài màu kem sau lưng có chữ BOYSTORY; 01 mũ bảo hiểm màu xám); giao trả cho bà Nguyễn Kim L 01 xe mô tô 63AN-011.31 màu đỏ đen; 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 14 Pro đã trả cho bị hại nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An Giang, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo

trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng về thời gian, địa điểm, cách thức thực hiện hành vi phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận, khoảng 08 giờ ngày 12/4/2025, bị cáo điều khiển xe mô tô 63AN-011.31 ghé vào tiệm cơm của bà Trần Thùy T2, lén lút lấy trộm điện thoại di động 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note màu đen của bà T2, cất vào túi quần. Bị cáo mang điện thoại chiếm đoạt được bán cho ông Mai Lâm Thanh T3 với giá 3.700.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản của cơ quan chuyên môn, 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 14 Pro màu đen, trị giá 3.200.000 đồng.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bà T2 trị giá 3.200.000 đồng.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực luật hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Vì hám lợi, bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bên cạnh đó, bị cáo đang có tiền sự do bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thị xã T (nay là phường T), tỉnh An Giang xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 02/12/2024. Điều này thể hiện bị cáo có nhân thân không tốt. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã hoàn trả số tiền 3.700.000 đồng cho ông T3; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Về đề nghị của Kiểm sát viên và bị cáo về việc cho bị cáo được hưởng án treo, thấy rằng, bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị khá cao; tình hình tội phạm

trộm cắp tài sản trên địa bàn nơi xảy ra sự việc diễn biến phức tạp, có chiều hướng gia tăng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đang có tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản. Việc bị cáo phạm tội thể hiện sự xem thường pháp luật. Việc cho bị cáo hưởng án treo không đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng chống loại tội phạm này tại địa phương. Vì vậy, không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của người có liên quan đến vụ án, ông Mai Lâm Thanh T3 mua điện thoại di động bị chiếm đoạt từ bị cáo nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Cho nên, trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với ông T3 là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

- Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra giao trả lại cho bà Trần Thùy T2 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note màu đen là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề cập xử lý lại.

- 01 áo sơ mi tay dài màu đỏ có viền cổ tay và cổ áo màu đen, trên áo có ghi chữ LV, 01 quần dài màu đỏ có viền cổ chân màu đen trên quần có ghi chữ LV, 01 áo khoác tay dài màu kem sau lưng có chữ BOYSTORY và 01 mũ bảo hiểm màu xám bị thu giữ là trang phục được bị cáo sử dụng khi thực hiện tội phạm nên là vật có giá trị chứng minh tội phạm, người phạm tội. Do các vật này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 63AN-011.31, ông Lê Thanh P là người đứng tên chủ sở hữu xe mô tô này. Theo kết quả xác minh do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A thực hiện, ông P đã bỏ địa phương. Xe mô tô biển số 63AN-011.31 không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Bị cáo, bà Nguyễn Kim L khai ông Võ Văn D đã mua xe mô tô này từ người lạ. Ông D đã chết vào tháng 01/2025. Đồng thừa kế của ông D gồm bà Nguyễn Kim L, bà Nguyễn Kim N, bà Nguyễn Kim Đ và bị cáo. Do các đồng thừa kế khác của ông D (gồm bà L, bà N, bà Đ) không có lỗi để bị cáo sử dụng xe mô tô biển số 63AN-011.31 làm phương tiện phạm tội. Cho nên, giao trả xe mô tô biển số 63AN-011.31 cho đồng thừa kế của ông D do bà L đại diện nhận theo khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với xe mô tô biển số 63AN-011.31 thì giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự, sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Sau khi nhận số tiền 3.700.000 đồng từ bị cáo, ông T3 không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Cho nên, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Kim T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Nguyễn Kim T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) áo sơ mi tay dài màu đỏ có viền cổ tay và cổ áo màu đen, trên áo có ghi chữ “LV”, đã qua sử dụng; 01 (một) quần dài màu đỏ có viền cổ chân màu đen trên quần có ghi chữ “LV”, đã qua sử dụng; 01 (một) áo khoác tay dài màu kem, sau lưng có chữ “BOYSTORY”, đã qua sử dụng; 01 (một) nón bảo hiểm hiệu nón S màu xám, có lưỡi nón màu đen viền xám, đã qua sử dụng.

- Giao trả cho đồng thừa kế của ông Võ Văn D do bà Nguyễn Kim L đại diện nhận 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu WAVE, màu đỏ đen, biển số 63AN-011.31, số khung: RPKDCB1PKAH009887, số máy: PRKMMIP39FMB00019887, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 31/7/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – An Giang).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Kim T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bà Trần Thùy T2 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Mai Lâm Thanh T3, bà Nguyễn Kim L, bà Nguyễn Kim N, bà Nguyễn Kim Đ, ông Lê Thanh T4 là 15 ngày kể từ ngày bản án được

giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 15 – An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Phân Trại tạm giam khu vực Tân Châu;
- CQĐT Công an tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 15 – An Giang;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình